



RSM DTL Auditing
Connected for Success

**TRỤ SỞ CHÍNH
CÔNG TY CỔ PHẦN
LOGISTICS VINALINK**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01
đến ngày 30 tháng 06 năm 2015



MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 2
Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính	3
Báo cáo tài chính đã được soát xét	
Bảng cân đối kế toán ngày 30 tháng 06 năm 2015	4 - 5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015	7
Thuyết minh báo cáo tài chính	8 - 25

351789
CÔNG TY
HỢP HỮU
KIỂM TOÁN
T.L
CÔNG TY

TRỤ SỞ CHÍNH CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

Địa chỉ: Số 145 -147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Logistics Vinalink (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đề trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được soát xét của Trụ sở chính của Công ty (dưới đây gọi tắt là "Trụ sở chính") cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015.

1. CÁC THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Logistics Vinalink trước đây là Xí Nghiệp Đại Lý Vận Tải Và Gom Hàng. Ngày 24 tháng 06 năm 1999, Xí Nghiệp được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Và Thương Mại theo Quyết định số 0776/1999/QĐ/BTM và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu số 064162 ngày 31 tháng 07 năm 1999 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Ngày 22 tháng 05 năm 2014, Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Và Thương Mại được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Logistics Vinalink theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0301776205 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, và các giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 11 tháng 02 năm 2015.

Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán trên Trung tâm giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 90/QĐ-SGDHCM ngày 10 tháng 08 năm 2009 do Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 145 -147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 90 tỷ đồng.

2. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Nguyễn Nam Tiến	Chủ tịch
Ông Vũ Thế Đức	Phó Chủ tịch
Bà Trần Thị Bình	Thành viên
Ông Đinh Quang Ngọc	Thành viên
Ông Trương Minh Long	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Bà Vũ Thị Bình Nguyễn	Trưởng ban
Bà Trang Anh Xuân	Thành viên
Bà Phan Phương Tuyền	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Nguyễn Nam Tiến	Tổng Giám đốc
Ông Đinh Quang Ngọc	Phó Tổng Giám đốc



TRỤ SỞ CHÍNH CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

Địa chỉ: Số 145 -147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

3. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Trụ sở chính trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Trụ sở chính tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Trụ sở chính và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác. Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Trụ sở chính đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

4. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán DTL, thành viên của RSM Quốc tế, bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định soát xét báo cáo tài chính cho các năm tài chính tiếp theo của Trụ sở chính.

5. CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Trụ sở chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 08 năm 2015

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN NAM TIẾN



Số: 16.132/TSCBCSX-DTL

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Các Cổ đông
CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán vào ngày 30 tháng 06 năm 2015, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015 của Trụ sở chính Công ty Cổ phần Logistics Vinalink (dưới đây gọi tắt là "Trụ sở chính") từ trang 04 đến trang 25 kèm theo. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Trụ sở chính và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Vấn đề nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh 4.2 trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính, trong đó trình bày việc Bộ tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp, có hiệu lực từ năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ tài chính. Thông tư này yêu cầu điều chỉnh một số số liệu so sánh như được trình bày tại mục 4.21 trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 08 năm 2015

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DTL
KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



LỤC THỊ VÂN

Giấy chứng nhận Đăng ký
hành nghề kiểm toán số 0172-2013-026-1

KIỂM TOÁN VIÊN

HUỲNH THỊ NGỌC TRINH

Giấy chứng nhận Đăng ký
hành nghề kiểm toán số 2124-2013-026-1

236
CÔNG
NHỆ
EM
D.T
PH

TRỤ SỞ CHÍNH CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

Địa chỉ: Số 145 -147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 01a - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		190.068.328.711	195.049.738.831
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	(5.1)	107.127.203.502	127.522.830.052
1. Tiền	111		22.827.203.502	23.114.830.052
2. Các khoản tương đương tiền	112		84.300.000.000	104.408.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		79.853.129.149	67.526.908.779
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	(5.3)	48.559.419.611	46.800.745.506
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	(5.4)	14.789.876.352	17.903.018.337
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		900.000.000	900.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	(5.5)	17.259.018.792	3.578.330.542
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(1.655.185.606)	(1.655.185.606)
III. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.087.996.060	
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	(5.6)	3.087.996.060	
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		69.223.518.170	69.529.384.430
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		25.613.596.430	25.613.596.430
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212	(5.4)	7.973.352.207	7.973.352.207
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	213		10.112.472.143	10.112.472.143
3. Phải thu dài hạn khác	216	(5.5)	7.527.772.080	7.527.772.080
II. Tài sản cố định	220		5.876.910.938	6.095.158.078
1. Tài sản cố định hữu hình	221	(5.7)	5.876.910.938	6.095.158.078
+ Nguyên giá	222		24.186.183.793	23.372.000.158
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(18.309.272.855)	(17.276.842.080)
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	(5.2)	37.733.010.802	37.733.010.802
1. Đầu tư vào công ty con	251		526.750.000	526.750.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		36.480.110.802	36.480.110.802
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		726.150.000	726.150.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260			87.619.120
1. Chi phí trả trước dài hạn	261			87.619.120
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		259.291.846.881	264.579.123.261

(Phần tiếp theo ở trang 5)

TRỤ SỞ CHÍNH CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

Địa chỉ: Số 145 -147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 01a - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		100.198.512.535	111.358.832.920
I. Nợ ngắn hạn	310		31.165.369.535	42.320.689.920
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	(5.8)	10.542.716.329	9.929.769.453
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	(5.9)	6.936.906.276	14.119.302.485
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	(5.10)	5.976.988.404	9.340.574.471
4. Phải trả người lao động	314	(5.11)	1.300.000.000	5.150.405.680
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	(5.12)	2.252.604.303	1.343.334.200
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	(5.13)	500.412.796	798.962.204
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	(5.14)	3.655.741.427	1.638.341.427
II. Nợ dài hạn	330		69.033.143.000	69.038.143.000
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	(5.15)	36.000.000.000	36.000.000.000
2. Phải trả dài hạn khác	337	(5.13)	33.033.143.000	33.038.143.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		159.093.334.346	153.220.290.341
I. Vốn chủ sở hữu	410	(5.16.1)	159.093.334.346	153.220.290.341
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		90.000.000.000	90.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		90.000.000.000	90.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		4.950.000.000	4.950.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		7.000.000.000	6.000.000.000
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(5.16.3)	57.143.334.346	52.270.290.341
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		41.440.741.104	52.270.290.341
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		15.702.593.242	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		259.291.846.881	264.579.123.261

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 08 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN ANH NAM



TRẦN THỊ BÌNH




NGUYỄN NAM TIẾN

TRỤ SỞ CHÍNH CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

Địa chỉ: Số 145 -147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 03a - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		17.629.593.242	9.838.226.628
Khấu hao TSCĐ và BDSĐT	02		1.032.430.775	1.142.295.143
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(11.697.572.971)	(3.813.913.196)
2. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		6.964.451.046	7.166.608.575
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(12.326.220.370)	(15.220.824.814)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(5.005.537.657)	4.778.080.316
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(3.000.376.940)	(1.577.641.210)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(9.745.304.728)	(2.505.434.732)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		5.240.450.763	15.000.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.352.600.000)	(121.593.995)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(19.225.137.886)	(7.465.805.860)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(814.183.635)	(60.360.000)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		11.697.572.971	3.813.913.196
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		10.883.389.336	3.753.553.196
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(12.053.878.000)	(12.053.878.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(12.053.878.000)	(12.053.878.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(20.395.626.550)	(15.766.130.664)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		127.522.830.052	35.428.100.368
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		107.127.203.502	19.661.969.704

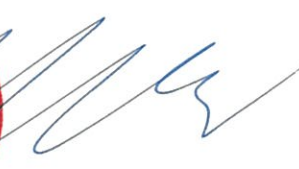
TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 08 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN ANH NAM

TRẦN THỊ BÌNH

NGUYỄN NAM TIẾN

TRỤ SỞ CHÍNH CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Logistics Vinalink (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là Xí Nghiệp Đại Lý Vận Tải Và Gom Hàng. Ngày 24 tháng 06 năm 1999, Xí Nghiệp được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Và Thương Mại theo Quyết định số 0776/1999/QĐ/BTM và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu số 064162 ngày 31 tháng 07 năm 1999 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Ngày 22 tháng 05 năm 2014, Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Và Thương Mại được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Logistics Vinalink theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0301776205 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, và các giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 11 tháng 02 năm 2015.

Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán trên Trung tâm giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 90/QĐ-SGDHCM ngày 10 tháng 08 năm 2009 do Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 90 tỷ đồng.

Trụ sở chính của Công ty (dưới đây gọi tắt là "Trụ sở chính") được đặt tại số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Trụ sở chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2015 là 223 (31/12/2014: 233 thành viên).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Dịch vụ vận tải.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Trụ sở chính bao gồm:

- Kinh doanh kho bảo quản hàng hóa, vận tải hàng hóa;
- Kinh doanh các dịch vụ giao nhận vận tải, kho, gom hàng xuất nhập khẩu, dịch vụ thủ tục hải quan và các dịch vụ khác như tái chế, bao bì, mua bảo hiểm, giám định, kiểm kiện;
- Đại lý tàu biển, đại lý lưu cước, quản lý vỏ container cho các hãng tàu;
- Đại lý giao nhận cho các hãng giao nhận vận tải nước ngoài;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu, nhận ủy thác xuất nhập khẩu hàng hóa theo quy định của pháp luật;
- Đại lý bán vé máy bay, đại lý vận chuyển hàng hóa;
- Kinh doanh vận tải đa phương thức;
- Đại lý vận tải hàng hóa hàng không, gửi hàng

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Trụ sở chính là 12 tháng.

TRỤ SỞ CHÍNH CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015, Công ty có các công ty con, liên doanh, liên kết và đơn vị trực thuộc như sau:

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty con:				
Công ty TNHH MTV Logistics Vinalink (Cambodia)	Số 144, Đường 169, Sangket Veal Vong, Khan 7 Makara, Phnom Penh, Vương quốc Campuchia	100%	100%	100%
Công ty liên doanh, liên kết:				
Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)	Số 184, Đường Trần Phú, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng	29,28%	29,28%	29,28%
Công ty Cổ phần Logistic Kim Thành	Lô KB13 đường T5 Khu Thương mại - Công nghiệp Kim Thành, P. Duyên Hải, TP. Lào Cai, Tỉnh Lào Cai	30%	30%	30%
Công ty TNHH Vận Tải Việt Nhật Konoike Vina (Japan)	Số 18A, Đường Lưu Trọng Lư, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh	25%	9,15%	9,15%
Công ty TNHH Dịch Vụ Đại Lý Vận Chuyển (Freight Consolidators)	Số 44, Đường Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	50%	51%	51%
Công ty TNHH Điều Hành Vận Chuyển Hàng Hóa Liên Kết LCM	Số 30, Đường Phan Thúc Duyệt, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	50%	49%	49%
Công ty TNHH RCL (Việt Nam)	145-147 Nguyễn Tất Thành, phường 13, Quận 4, TP Hồ Chí Minh	33,33%	45%	45%

Các đơn vị trực thuộc tính đến 30 tháng 06 năm 2015 gồm:

- Chi nhánh tại Hà Nội được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0113000049 ngày 29 tháng 12 năm 2000. Sau đó, Giấy chứng nhận này được thay đổi bằng Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0301776205-001 ngày 13 tháng 06 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.
- Chi nhánh tại Hải Phòng được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0213005696 ngày 22 tháng 09 năm 2009. Sau đó, Giấy chứng nhận này được thay đổi bằng Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0301776205-002 ngày 30 tháng 05 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.

7-C
Y
H
D
L
C

TRỤ SỞ CHÍNH CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.4. Các giao dịch bằng ngoại tệ

- Trụ sở chính hạch toán tỷ giá hối đoái theo phương pháp tỷ giá hạch toán.
- Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

4.5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

4.6. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản nợ phải thu được phân loại là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác theo nguyên tắc là: Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua bán; Phải thu nội bộ là khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên với đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải thu còn lại được phân loại là phải thu khác.

Các khoản nợ phải thu được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Các khoản nợ phải thu thỏa mãn định nghĩa là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế cuối kỳ.

Nợ phải thu chỉ được ghi nhận tới mức có thể thu hồi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến tiền thuê đất, phí thuê văn phòng. Các

TRỤ SỞ CHÍNH CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoản thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê;
- Chi phí thuê văn phòng được phân bổ theo thời hạn thuê.

4.8. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
+ Máy móc thiết bị	05 - 08 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 11 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08 năm

4.9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty con khi Công ty có quyền kiểm soát các chính sách và hoạt động, thường thể hiện qua việc nắm giữ hơn 50% quyền biểu quyết.

Các khoản đầu tư vào công ty con được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Công ty nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

TRỤ SỞ CHÍNH CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Đầu tư vào công ty liên doanh

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên doanh khi Công ty có quyền đồng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Đầu tư khác

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính

Đối với các khoản đầu tư dài hạn

Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Công ty được yêu cầu trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch theo phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư bằng số vốn đã đầu tư.

4.10. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Phải trả nội bộ là các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Các khoản nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái cuối kỳ.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

4.11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả là các khoản phải trả cho chi phí hoa hồng nhưng thực tế chưa chi trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối kỳ và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

TRỤ SỞ CHÍNH CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

4.12. Lương

Căn cứ trên Quỹ lương được duyệt của Hội đồng quản trị.

4.13. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện được ghi nhận là lợi nhuận nhận trước từ hợp đồng hợp tác khai thác kinh doanh từ đối tác. Hàng kỳ tính, xác định và kết chuyển doanh thu chưa thực hiện vào doanh thu phù hợp với thời gian hợp tác được quy định trên hợp đồng.

4.14. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Việc trích lập quỹ được thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.15. Doanh thu

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

4.16. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

4.17. Chi phí tài chính

Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái của kỳ báo cáo được ghi nhận đầy đủ trong báo cáo tài chính.

4.18. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp ghi nhận đầy đủ các chi phí phát sinh trong kỳ.

9.
TY
TU
DÁ
L
C

TRỤ SỞ CHÍNH CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

4.19. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Thuế suất thuế TNDN Trụ sở chính đang áp dụng là 20% đối với hoạt động kinh doanh chính.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Cước vận tải quốc tế 0%
- Dịch vụ liên quan vận tải đa phương thức 10%

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.20. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

4.21. Số liệu so sánh

Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC (TT200) ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp:

Bảng cân đối kế toán (Trích)

	Đầu năm	VND
	(Được báo cáo lại)	(Đã được báo cáo trước đây)
Đầu tư ngắn hạn	-	900.000.000
Phải thu về cho vay ngắn hạn	900.000.000	-
Trả trước cho người bán ngắn hạn	17.903.018.337	25.876.370.544
Phải thu ngắn hạn khác	3.578.330.542	7.881.083.436
Tài sản ngắn hạn khác	-	3.093.603.186
Trả trước cho người bán dài hạn	7.973.352.207	-
Phải thu dài hạn khác	7.527.772.080	-
Tài sản dài hạn khác	-	131.416.000
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14.119.302.485	50.119.302.485
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	36.000.000.000	-
Phải trả ngắn hạn khác	798.962.204	33.623.962.204
Phải trả dài hạn khác	33.038.143.000	213.143.000

TRỤ SỞ CHÍNH CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Việc báo cáo lại các thông tin so sánh nêu trên là do có sự thay đổi giữa TT200 và các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo QĐ15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

Tên chỉ tiêu	TT200	CMKT & Chế độ kế toán doanh nghiệp theo QĐ15/2006/QĐ-BTC
Cho vay	Trình bày là phải thu về cho vay ngắn hạn	Trình bày là đầu tư ngắn hạn
Tạm ứng, kí quỹ kí cược ngắn hạn	Trình bày là phải thu ngắn hạn khác	Trình bày là tài sản ngắn hạn khác
Ký quỹ ký cược dài hạn	Trình bày là phải thu dài hạn khác	Trình bày là tài sản dài hạn khác

(Phần tiếp theo ở trang 17)

M.S.D.

TRỤ SỞ CHÍNH CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Cuối kỳ	VND Đầu năm
Tiền mặt	722.458.004	2.103.763.471
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	22.104.745.498	21.011.066.581
Các khoản tương đương tiền	84.300.000.000	104.408.000.000
Cộng	<u>107.127.203.502</u>	<u>127.522.830.052</u>

Tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng bằng VND và USD tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam.

5.2. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ			Đầu năm			Ngàn đồng
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	
Đầu tư vào công ty con:							
Công ty TNHH MTV Logistics Vinalink (Cambodia)	526.750	-	526.750	526.750	-	526.750	
Cộng	<u>526.750</u>	<u>-</u>	<u>526.750</u>	<u>526.750</u>	<u>-</u>	<u>526.750</u>	
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết:							
CT CP Giao Nhận Vận Tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)	4.392.000	-	4.392.000	4.392.000	-	4.392.000	
CT Cổ phần Logistic Kim Thành	18.220.589	-	18.220.589	18.220.589	-	18.220.589	
Công ty TNHH Vận Tải Việt Nhật Konoike Vina (Japan)	4.908.430	-	4.908.430	4.908.430	-	4.908.430	
Công ty Liên Doanh Dịch Vụ Đại Lý Vận Chuyển	3.680.051	-	3.680.051	3.680.051	-	3.680.051	
CT TNHH Điều Hành Vận Chuyển Hàng Hóa Liên Kết LCM	3.148.740	-	3.148.740	3.148.740	-	3.148.740	
CT TNHH RCL (Việt Nam)	2.130.000	-	2.130.000	2.130.000	-	2.130.000	
Cộng	<u>36.479.810</u>	<u>-</u>	<u>36.479.810</u>	<u>36.479.810</u>	<u>-</u>	<u>36.479.810</u>	
Đầu tư vào đơn vị khác:							
Công ty TNHH Vận Tải Ô Tô Vinatrans	726.150	-	726.150	726.150	-	726.150	
Cộng	<u>726.150</u>	<u>-</u>	<u>726.150</u>	<u>726.150</u>	<u>-</u>	<u>726.150</u>	

TRỤ SỞ CHÍNH CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

5.3. Phải thu của khách hàng

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu của khách hàng ngắn hạn:		
Công nợ các đại lý nước ngoài	18.447.492.420	20.453.316.698
Công nợ Khối Đường biển	3.800.067.448	3.955.684.764
Công nợ Khối Hàng không	8.768.144.419	16.904.999.797
Công nợ Khối Logistics	4.428.868.571	4.820.493.166
Công nợ Khối Sale & Marketing	9.771.724.862	-
Các khoản khác	3.343.121.891	666.251.081
Cộng	<u>48.559.419.611</u>	<u>46.800.745.506</u>

5.4. Trả trước cho người bán

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Trả trước cho người bán ngắn hạn:		
Chi nhánh Hà Nội	12.817.978.788	16.049.798.455
Các khách hàng khác	1.971.897.564	1.853.219.882
Cộng	<u>14.789.876.352</u>	<u>17.903.018.337</u>
Trả trước người bán dài hạn	7.973.352.207	7.973.352.207
Cộng	<u>7.973.352.207</u>	<u>7.973.352.207</u>

Khoản trả trước cho người bán dài hạn bao gồm các khoản:

- Khoản ứng trước 60% giá trị hợp đồng cho Công ty Cổ phần Đầu Tư Xây Dựng Hiệp Phước Khánh về việc thực hiện dịch vụ chuyển nhượng quyền sử dụng đất, xin giấy phép đầu tư xây dựng kho bãi và nhà xưởng tại Xã Phước Hòa, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với số tiền là 3.087.000.000 đồng.
- Khoản ứng trước 18% giá trị hợp đồng cho Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên Phú An Thạnh - Long An về việc thuê quyền sử dụng đất gắn với kết cấu hạ tầng trên đất tại Khu công nghiệp Bắc An Thạnh, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An với số tiền là 4.886.532.207 đồng.

5.5. Phải thu khác

	VND			
	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn:				
Tạm ứng cho nhân viên làm hàng	12.578.644.217	-	3.093.603.186	-
Cho chi nhánh Hà Nội vay	4.100.000.000	-	-	-
Phải thu khác	580.374.575	-	484.727.356	-
Cộng	<u>17.259.018.792</u>	<u>-</u>	<u>3.578.330.542</u>	<u>-</u>
Dài hạn:				
Đầu tư vào 127.132m ² đất ở Nhơn Trạch - Đồng Nai	7.396.356.080	-	7.396.356.080	-
Phải thu khác	131.416.000	-	131.416.000	-
Cộng	<u>7.527.772.080</u>	<u>-</u>	<u>7.527.772.080</u>	<u>-</u>

TRỤ SỞ CHÍNH CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

5.6. Chi phí trả trước ngắn hạn

Là khoản chi phí thuê đất tại số 145-147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4 và tiền thuê văn phòng Hàng Không còn phải phân bổ.

5.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	VND
					Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	8.052.973.806	1.543.492.521	12.974.908.949	800.624.882	23.372.000.158
Mua trong kỳ	-	-	814.183.635	-	814.183.635
Số dư cuối kỳ	8.052.973.806	1.543.492.521	13.789.092.584	800.624.882	24.186.183.793
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	6.920.408.914	980.069.027	8.737.727.230	638.636.909	17.276.842.080
Khấu hao trong kỳ	244.181.604	93.412.737	652.098.264	42.738.170	1.032.430.775
Số dư cuối kỳ	7.164.590.518	1.073.481.764	9.389.825.494	681.375.079	18.309.272.855
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	1.132.564.892	563.423.494	4.237.181.719	161.987.973	6.095.158.078
Tại ngày cuối kỳ	888.383.288	470.010.757	4.399.267.090	119.249.803	5.876.910.938

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 5.417.791.960 đồng.

5.8. Phải trả người bán

Các khoản phải trả người bán ngắn hạn:	Cuối kỳ		Đầu năm		VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
	Phải trả cho chi nhánh Hải Phòng	1.215.823.081	1.215.823.081	2.111.713.127	2.111.713.127
Phải trả cho các đối tượng khác	9.326.893.248	9.326.893.248	7.818.056.326	7.818.056.326	
<i>Khối hàng không</i>	<i>4.390.060.191</i>	<i>4.390.060.191</i>	<i>4.184.472.554</i>	<i>4.184.472.554</i>	
<i>Khối logistic</i>	<i>3.520.385.346</i>	<i>3.520.385.346</i>	<i>1.595.789.073</i>	<i>1.595.789.073</i>	
<i>Khối đường biển</i>	<i>364.594.210</i>	<i>364.594.210</i>	<i>972.900.640</i>	<i>972.900.640</i>	
<i>Khác</i>	<i>1.051.853.501</i>	<i>1.051.853.501</i>	<i>1.064.894.059</i>	<i>1.064.894.059</i>	
Cộng	10.542.716.329	10.542.716.329	9.929.769.453	9.929.769.453	

5.9. Người mua trả tiền trước

Công nợ đại lý nước ngoài Các đối tượng khác	Cuối kỳ	Đầu năm	VND
	5.980.121.490	13.124.950.615	
956.784.786	994.351.870		
Cộng	6.936.906.276	14.119.302.485	

TRỤ SỞ CHÍNH CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

5.10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	VND Cuối kỳ
Phải nộp:				
Thuế giá trị gia tăng	233.911.660	1.286.861.792	1.459.996.463	60.776.989
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.867.304.728	1.927.000.000	9.745.304.728	1.049.000.000
Thuế thu nhập cá nhân	37.596.182	757.963.254	764.324.962	31.234.474
Tiền thuê đất và thuế đất	47.446.452	5.535.419.400	1.047.446.452	4.535.419.400
Các loại thuế khác	154.315.449	899.605.499	753.363.407	300.557.541
Cộng	9.340.574.471	10.406.849.945	13.770.436.012	5.976.988.404

5.11. Phải trả người lao động

Là quỹ lương còn phải trả cho người lao động.

5.12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả ngắn hạn chủ yếu là các khoản trích trước chi phí hoa hồng.

5.13. Phải trả khác

	Cuối kỳ	VND Đầu năm
Ngắn hạn		
Cổ tức phải trả	-	353.878.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	500.412.796	445.084.204
Cộng	500.412.796	798.962.204
Dài hạn:		
Tạm ứng tiền đền bù di dời (*)	32.800.000.000	32.800.000.000
Phải trả khác	233.143.000	238.143.000
Cộng	33.033.143.000	33.038.143.000

(*) Là khoản tiền tạm ứng 80% tổng giá trị đền bù di dời phục vụ dự án chuyển đổi công năng và khai thác kho bãi khu vực 145-147 Nguyễn Tất Thành mà Công ty Cổ Phần Đường Khánh Hội đã trả Công ty Cổ Phần Logistics Vinalink theo hợp đồng nguyên tắc số 2392/HĐĐB.14 ngày 14 tháng 11 năm 2014 - xem thêm mục 9.

5.14. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Số dư đầu kỳ	1.638.341.427	2.026.945.703
Trích lập trong kỳ	3.370.000.000	4.067.000.000
Sử dụng trong kỳ	1.352.600.000	793.650.000
Số dư cuối kỳ	3.655.741.427	5.300.295.703

5.15. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu nhận trước là khoản lợi nhuận khoán gọn trước thuế thu nhập doanh nghiệp mà Công ty Cổ Phần Đường Khánh Hội trả trước cho Công ty theo hợp đồng hợp tác khai thác kinh doanh số 2391/HĐHT.12 ngày 14 tháng 11 năm 2014 giữa hai bên - xem thêm mục 9.

TRỤ SỞ CHÍNH CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

5.16. Vốn chủ sở hữu**5.16.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	VND Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	90.000.000.000	4.950.000.000	5.000.000.000	32.165.872.764	132.115.872.764
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	38.568.882.562	38.568.882.562
Lợi nhuận từ các chi nhánh	-	-	-	4.602.535.015	4.602.535.015
Chia cổ tức	-	-	-	(18.000.000.000)	(18.000.000.000)
Trích lập quỹ	-	-	1.000.000.000	(5.067.000.000)	(4.067.000.000)
Số dư đầu năm nay	90.000.000.000	4.950.000.000	6.000.000.000	52.270.290.341	153.220.290.341
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	15.702.593.242	15.702.593.242
Lợi nhuận từ các chi nhánh	-	-	-	5.240.450.763	5.240.450.763
Chia cổ tức	-	-	-	(11.700.000.000)	(11.700.000.000)
Trích lập quỹ	-	-	1.000.000.000	(4.370.000.000)	(3.370.000.000)
Số dư cuối kỳ	90.000.000.000	4.950.000.000	7.000.000.000	57.143.334.346	159.093.334.346

(Phần tiếp theo ở trang 22)



TRỤ SỞ CHÍNH CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

5.16.2. Cổ phiếu

	Cuối kỳ	VND Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.000.000	9.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng:	9.000.000	9.000.000
Cổ phiếu phổ thông	9.000.000	9.000.000
Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ):	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:	9.000.000	9.000.000
Cổ phiếu phổ thông	9.000.000	9.000.000
Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần

5.16.3. Phân phối lợi nhuận

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	52.270.290.341	32.165.872.764
Lợi nhuận sau thuế trong kỳ	15.702.593.242	8.064.854.285
Chia cổ tức	(11.700.000.000)	(11.700.000.000)
Lợi nhuận từ các chi nhánh	5.240.450.763	4.602.535.015
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(2.500.000.000)	(3.600.000.000)
Trích lập Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
Trích thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	(870.000.000)	(467.000.000)
Lợi nhuận chưa phân phối cuối kỳ	57.143.334.346	28.066.262.064

5.17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Cuối kỳ	VND Đầu năm
Ngoại tệ các loại:		
USD	1.092.618,61	704.666,98

(Phần tiếp theo ở trang 23)

TRỤ SỞ CHÍNH CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Doanh thu:		
Doanh thu phòng hàng không	76.939.126.471	67.218.463.726
Doanh thu phòng đường biển	43.052.803.899	41.206.876.240
Doanh thu phòng logistics	42.859.525.803	26.297.781.940
Cộng	162.851.456.173	134.723.121.906
Doanh thu đối với các bên có liên quan - Xem thêm mục 7:		
Công ty Cổ phần Giao nhận vận tải miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)	436.540.951	308.837.642
Công ty TNHH RCL (Việt Nam)	322.888.589	322.126.540
Công ty Liên doanh dịch vụ Đại lý vận chuyển (Freight Consolidated)		2.705.181
Công ty TNHH Vận tải Việt Nhật Koneike Vina (Japan)	122.978.396	108.604.390
Công ty NHH Điều khiển vận chuyển Hàng Hóa Liên Kết LCM	31.621.767	16.101.311
Công ty Logistics Vinalink (Cambodia)	905.236.717	71.599.283
Cộng	1.819.266.420	829.974.347

6.2. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp		
Giá vốn phòng hàng không	72.842.009.207	63.473.389.728
Giá vốn phòng đường biển	38.419.733.549	36.767.546.577
Giá vốn phòng logistics	39.150.613.062	22.875.520.751
Cộng	150.412.355.818	123.116.457.056

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Cổ tức, lợi nhuận được chia	9.354.200.000	3.781.774.293
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.119.143.061	3.414.136.347
Lãi tiền gửi	2.343.372.971	32.138.903
Cộng	12.816.716.032	7.228.049.543

6.4. Chi phí tài chính

Là khoản lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện.

6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Chi phí nhân viên quản lý	2.880.427.838	2.927.176.059
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.838.813.500	1.403.050.208
Các khoản chi phí QLDN khác	945.055.852	1.089.744.480
Cộng	5.664.297.190	5.419.970.747

TRỤ SỞ CHÍNH CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

6.6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Chi phí thuế TNDN tạm tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.927.000.000	1.773.372.343
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	1.927.000.000	1.773.372.343

6.7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân công	13.166.491.200	11.996.236.540
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.032.430.775	1.142.295.143
Chi phí dịch vụ mua ngoài	95.446.791.264	76.150.094.066
Chi phí khác bằng tiền	46.430.939.769	42.824.319.072
Cộng	156.076.653.008	132.112.944.821

7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

- Trong kỳ, Công ty đã có giao dịch trọng yếu với các đơn vị và cá nhân dưới đây được xác định là các bên liên quan theo định nghĩa của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26:

Danh sách các bên liên quanMối quan hệ

- | | |
|--|--|
| 1. Công ty TNHH MTV Logistics Vinalink (Cambodia) | Công ty con |
| 2. Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng) | Công ty liên kết |
| 3. Công ty Cổ phần Logistic Kim Thành | Công ty liên kết |
| 4. Công ty TNHH Vận Tải Việt Nhật Konoike Vina (Japan) | Công ty liên doanh |
| 5. Công ty Liên Doanh Dịch Vụ Đại Lý Vận Chuyển (Freight Consolidators) | Công ty liên doanh |
| 6. Công ty TNHH Điều Hành Vận Chuyển Hàng Hóa Liên Kết LCM | Công ty liên doanh |
| 7. Công ty TNHH RCL (Việt Nam) | Công ty liên doanh |
| 8. Công ty Cổ phần Giao Nhận Kho Vận Ngoại Thương Việt Nam (Vinatrans) | Phó Chủ tịch HĐQT là TGD Công ty này |
| 9. Công ty Cổ phần Vinafreight | Phó chủ tịch HĐQT là thành viên HĐQT Công ty này |
| 10. Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương (Vinatrans Logistics) | Phó chủ tịch HĐQT là thành viên HĐQT Công ty này |
| 11. Công ty TNHH Sojitz Logistics Việt Nam | Thành viên HĐQT là thành viên HĐQT Công ty này |
| 12. Công ty TNHH Đầu Tư Phát Triển Con Đường Việt | Thành viên HĐQT là thành viên HĐQT Công ty này |
| 13. Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc | Nhân sự quản lý chủ chốt |

- Bản chất các giao dịch quan trọng và giá trị giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ như sau:

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Cung cấp dịch vụ - xem thêm mục 6.1	1.819.266.420	829.974.347
Sử dụng dịch vụ	1.764.733.035	1.446.073.494

TRỤ SỞ CHÍNH CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

- Thù lao Hội đồng quản trị và thu nhập của Ban Tổng Giám đốc:

	Kỳ nay	VND Kỳ trước
Thù lao Hội đồng quản trị	499.000.000	271.500.000
Thu nhập Ban Tổng Giám đốc	1.036.279.000	1.244.885.808
Cộng	1.535.279.000	1.516.385.808

8. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC GIAI ĐOẠN TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc giai đoạn tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

9. CÁC THÔNG TIN THUYẾT MINH KHÁC

Ngày 14 tháng 11 năm 2014, Công ty có ký kết Hợp đồng hợp tác khai thác kinh doanh số 2391/HĐHT.12 và Hợp đồng nguyên tắc số 2392/HĐĐB.14 về việc đền bù di dời phục vụ dự án tại số 145-147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh với Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội. Theo đó, Công ty sẽ góp vốn bằng toàn bộ tài sản theo hiện trạng tại văn phòng Công ty (gồm toàn bộ hệ thống kho với tổng diện tích sàn kho 9.397,08 m², văn phòng làm việc, nhà bếp, nhà ăn, toàn bộ sân xi măng bên trong khuôn viên và các hạng mục phụ trợ như hệ thống chiếu sáng, hệ thống PCCC, hệ thống cấp thoát nước, tường rào, trạm điện hiện diện trên khu đất) để Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội quản lý, khai thác. Công ty sẽ bàn giao cho Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội toàn bộ tài sản trên khu đất và từ chối mọi quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến tài sản trên khu đất bao gồm cả quyền quản lý, khai thác khu đất khi cơ quan thẩm quyền chấp thuận chủ trương cho Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội được làm chủ đầu tư dự án. Việc di dời các hoạt động hiện tại của Công ty đi nơi khác sẽ được thực hiện chậm nhất 24 tháng sau ngày ký kết các hợp đồng này.

10. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào 24 tháng 08 năm 2015.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 08 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN ANH NAM

TRẦN THỊ BÌNH

NGUYỄN NAM TIẾN